

Số: 27/KH- DTNT.BH

Bắc Hà, ngày 20 tháng 9 năm 2018

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo**  
**Năm học 2019 - 2020**

Căn cứ công văn số 1313/SGD&ĐT-KHTC, ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục Đào tạo năm 2019. Trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bắc Hà xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục Đào tạo năm học 2019 – 2020 như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 (năm học 2017 -2018) và ước thực hiện kế hoạch 2018 (năm học 2018 -2019)**

**1. Thực trạng phát triển GD&ĐT của nhà trường năm học 2017 - 2018**

**1.1. Tình hình mạng lưới trường, lớp học:**

**1.2. Quy mô học sinh:**

- Kế hoạch giao 14 lớp; 490 HS (THCS 8 lớp = 280, THPT 6 lớp = 210HS);
- Thực hiện: Đầu năm 14 lớp với 488 HS; cuối năm 14 lớp 485 HS đạt 99% KH giao; giảm 03 HS do chuyển trường- sức khỏe yếu, không thể sinh hoạt nội trú.
- Tuyển mới khối 6 và khối 10 là 140 học sinh đạt 100% kế hoạch.
- Số học sinh tốt nghiệp THCS được học tiếp lên bậc THPT là 68 chiếm 100%

**1.3. Chất lượng 2 mặt giáo dục:**

**\* Chất lượng, hiệu quả giáo dục của học sinh**

**- Đối với HS THPT và lớp 9:**

Xếp loại	Số lượng	Tốt/giỏi		Khá		Trung bình		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	
Hạnh kiểm	276	218	78,9	53	19,2	5	1,8	Hạnh kiểm (Tốt, Khá; TB). Học lực (Giỏi, Khá, TB)
Học lực	276	18	6,6	175	63,4	83	30	

- **Đối với Khối 6,7,8 học chương trình mô hình trường học mới:** Về phẩm chất: 100% Đạt (161/209 HS = 77% Tốt, 48/209 HS = 23% Đạt). Về năng lực: 100% hoàn thành (35/209 HS = 16,7% Tốt, 174/209 HS = 83,3 % Đạt). Về học lực: Khối 6,7,8 học chương trình mô hình trường học mới: Tỷ lệ học sinh hoàn thành và hoàn thành tốt đạt 100%, không có học sinh cần cố gắng.

- Hiệu quả giáo dục: Cấp THCS tốt nghiệp đạt 100%, có 68/68 học sinh vào học tiếp THPT đạt 100%, trong đó có 49 học sinh được đi học các trường PTDT Nội trú THPT (04 DTNT TƯ; 06 DTNT Tỉnh). Có 01 HS đỗ vào trường THPT Chuyên.

- Thi THPT Quốc gia: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 100%, là một trong 1/17 trường THPT trên toàn tỉnh đạt tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT 100% phổ điểm cao ở các bộ môn (Thứ nhất tỉnh: Môn GDCD; L.sử; Địa lý; Thứ 2: Môn Vật lý; Thứ 4: Môn Hóa, môn Sinh; Thứ 5: Môn Toán, tiếng Anh). Kết quả Đỗ vào các trường ĐH và CĐ: 55. Thực tế nhập học 11 ĐH (02 ĐH bách khoa, 01 ĐH Quốc gia Hà Nội, 03 em đỗ trường Sĩ quan chính trị, 01 Đại học Dược, 01 ĐH Văn hóa; 01 ĐH Xây dựng; 02 ĐH Điện lực); 16 HS học Cao đẳng, số còn lại các em đều học nghề.

- Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do Sở và ngành tổ chức, đều có HS đạt giải cấp Tỉnh. So với cùng kỳ năm trước và kế hoạch, mục tiêu đề ra đầu năm, đa số

chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Không có HS học lực yếu, hạnh kiểm yếu (Năm trước có 01 HS). Mô hình trường học gắn với thực tiễn đạt tiêu biểu cấp tỉnh.

**1.4 Tình hình triển khai thực hiện Đề án số 06:** Đã triển khai đề án đến tất cả CBGV, NV trong nhà trường. Nhà trường duy trì tốt công tác số lượng, chất lượng; duy trì các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia.

**1.5. Tình hình đội ngũ:**

\* Biên chế giao: 62 người;

\* Thực hiện: Tháng 8/2017 đến tháng 6/2018: 59 người (Thiếu 02 người). Từ tháng 7/2018 có 57 người trong đó BGH 03 (Thạc sỹ 01; ĐH 02), giáo viên 34 (Giáo viên cấp THCS có 15 giáo viên, cấp THPT có 19 giáo viên; Thạc sỹ 03; ĐH 31) đạt 2,42 giáo viên/ lớp. Nhân viên 20 người trong đó biên chế 12 người, hợp đồng cấp dưỡng là 8 người (02 người chưa qua đào tạo). So với biên chế giao thiếu 01 văn thư (lí do chuyển công tác) và 01 cấp dưỡng (nghỉ hưu)

**\* Kết quả phân xếp loại đội ngũ năm học 2017 - 2018:**

+ Đánh giá xếp loại CBQL theo chuẩn: 3/3 đ/c; trong đó: 01 xuất sắc, 02 Khá; Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp: Xuất sắc: 07đ/c, Khá: 29 đ/c.,

+ Phân xếp loại viên chức HTSXNV 13, HTTNV 33. HTNV 13.

+ 100% CB, GV, NV hoàn thành nhiệm vụ trở lên, 27 đồng chí đạt Lao động tiên tiến; 5 đồng chí đạt Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

**1.6. Về đầu tư CSVC trường học:** Tương đối đủ cho các hoạt động dạy học nuôi dưỡng chăm sóc học sinh. Số phòng học 14 phòng học đảm bảo theo tiêu chuẩn. Số phòng học chức năng: 09 phòng. Số phòng làm việc: 11 phòng. Số phòng ở nội trú: 48 phòng, bình quân 11 học sinh/phòng. Nhà ăn: diện tích đủ chỗ ăn cho học sinh.

**\* Khó khăn:**

- Phòng học Ngoại ngữ và phòng máy khâu không sử dụng được từ năm 2012.

- Phòng học Tin học là phòng học chung xuống cấp, thường xuyên phải sửa chữa, không đồng bộ.

- Còn thiếu 11 phòng ở cho học sinh nội trú, Khu Nội trú, sửa chữa một số năm đến nay xuống cấp, phải sửa chữa nhiều.

**1.7. Về thực hiện công tác quản lý tài chính**

**- Định mức phân bổ ngân sách theo Nghị quyết 89/2016 của HĐND**

+ Định mức chi thường xuyên thực tế được phân bổ là 21 triệu/ biên chế, dự toán được giao 1.302 triệu đạt tỷ lệ 100% so với định mức theo NĐ 89;

+ Các khoản chi đặc thù đảm bảo kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ các kỳ thi, ôn thi THPT quốc gia, ôn thi học sinh giỏi cấp Tỉnh.

+ Thuận lợi: Định mức chi thường xuyên được phân bổ theo nghị quyết 89/2016 đã đáp ứng được nhu cầu chi phí chi thường xuyên cho hoạt động của đơn vị.

+ Khó khăn: Không

**- Thực hiện chi thường xuyên năm 2017 và 8 tháng đầu năm 2018, ước thực hiện cả năm 2018**

+ Thực hiện chi thường xuyên năm 2017: **7.699 triệu**

+ Kinh phí được giao 2018: **7.856 triệu**

Trong đó kinh phí đã thực hiện:

Các khoản thanh toán cá nhân : **4.671 triệu**

Chi công tác phí, chi chuyên môn: **217 triệu**

Sửa chữa cơ sở vật chất: **37,5 triệu**

+ Ước thực hiện năm 2018 là: **7.979 triệu**

**- Tình hình thực hiện chính sách của Nhà nước và địa phương đối với HS:**

+ Kinh phí được giao: **8.565 triệu**, chi học bổng cho học sinh: **5.751 triệu**, chi các hoạt động của học sinh nội trú: **1.950 triệu**; các khoản đặc thù: **864 triệu** đồng;

+ **Thuận lợi:** KP được giao từ đầu năm, đảm bảo chế độ, chính sách cho HS.

+ **Khó khăn:** Không

- **Chính sách đối với giáo viên:**

+ **Thuận lợi:** Kinh phí được cấp đáp ứng đầy đủ chế độ chính sách của giáo viên như thâm niên nhà giáo, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp đặc thù trường nội trú.

+ **Khó khăn:** Hệ số lương cho nhân viên hợp đồng theo ND 68/2000/ND-CP thấp, nhân viên trong ngành giáo dục đều không được hưởng các phụ cấp theo lương như đối tượng GV (Ưu đãi, thâm niên, phụ cấp đặc thù trường nội trú...) nên khó khăn trong sinh hoạt và công tác.

- **Đánh giá huy động các nguồn kinh phí xã hội hóa:** Không thực hiện.

- **Quản lý, sử dụng các khoản thu, chi dạy thêm, học thêm:** Không tổ chức dạy thêm, học thêm.

## **2. Ước thực hiện năm học 2018-2019**

- Duy trì 100% về số lớp và số HS đầu năm.

- Thực hiện tuyển sinh đầu cấp 70 HS (lớp 6)- ra trường 70 (HS lớp 9); 70 HS lớp 10- ra trường THPT (lớp 12) 68 đạt 97,1%, giảm 02 lý do, 02 HS lớp 12 chuyển trường (hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ đi làm ăn xa, phải chuyển sang trường khác để đi về, phụ giúp gia đình).

- Các chỉ tiêu, mục tiêu khác hoàn thành tốt.

## **3. Kết quả đạt được**

Năm 2017, 2018, nhà trường cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, việc dạy và học đã có chuyển biến. Kỷ cương, nề nếp dạy và học có chuyển biến tích cực, đã có phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Chất lượng dạy và học đã có chuyển biến, tỷ lệ học sinh có lực học giỏi, học sinh có lực học khá tăng. HS đỗ chuyên và kết quả thi THPT Quốc gia được giữ vững ở tốp cao của tỉnh. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống... được quan tâm tổ chức. Khung cảnh trường lớp sạch, đẹp, môi trường giáo dục, điều kiện về cơ sở vật chất tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Các hoạt động xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn được duy trì và phát huy.

## **4. Tồn tại, hạn chế khó khăn:**

- Về số lượng: năm 2017, 2018 chưa đạt kế hoạch về số lượng HS (Đạt 99,6%).

- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đã có nhiều tiến bộ song chưa tương xứng với yêu cầu và những điều kiện về đội ngũ giáo viên, tiềm năng học sinh của nhà trường. Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều.

- Các hoạt động tập thể nội dung chưa phong phú, hấp dẫn, một số hoạt động còn hình thức, chưa lôi cuốn và phát huy tính tích cực của học sinh; cảnh quan trường lớp chưa hài hòa cân đối. Một số cơ sở vật chất của nhà trường đã xuống cấp nên hỏng phải sửa chữa nhiều. Phòng ở nội trú cho học sinh vẫn còn thiếu 11 phòng.

## **5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

- Số lượng HS giảm do chuyển trường, nhưng không tuyển bổ sung được, vì đối tượng dự phòng không đảm bảo tiêu chuẩn. Số HS tuyển sinh vào lớp 10 theo cơ cấu, vùng miền điểm thấp nên khi vào học gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng GV/ môn ít, nên việc trao đổi chuyên môn còn gặp khó khăn. Nhận thức về yêu cầu triển khai thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục, khả năng tiếp cận những vấn đề mới của một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế, thiếu tinh thần quyết tâm cao, chưa chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong triển khai thực hiện.

- Công tác kế hoạch, tổ chức bộ máy chưa khoa học, đổi mới, linh hoạt và sáng tạo. Công tác kiểm tra nội bộ hiệu lực, hiệu quả chưa cao; vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV chưa được khẳng định rõ.

- Một số công trình, thiết bị của nhà trường được cung cấp, sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, phải tu sửa nhiều.

## **II. Xây dựng kế hoạch phát triển GD&ĐT năm 2019 (Năm học 2019 -2020)**

### **1. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giáo dục và đào tạo, về phát triển kinh tế - xã hội các vùng. Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của cả nước thông qua các nhiệm vụ trọng tâm; các đề án, dự án về phát triển trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tăng cường năng lực dạy và học ngoại ngữ; bảo đảm thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo...; Quyết định số 711/QĐ- TTg ngày 13/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2011-2020”; số 129/KH-BGDĐT ngày 07/02/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Kế hoạch hành động vì trẻ em của ngành giáo dục giai đoạn 2013-2020; Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai; Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 153- CTr/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo; Đề án 06 của Tỉnh ủy; chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 28/6/2018 của UBND Tỉnh Lào Cai về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường.

### **2. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2019**

#### **2.1. Mục tiêu**

Thực hiện tốt chủ đề năm học. Tiếp tục duy trì vững chắc và phát huy những kết quả đã đạt được của những năm học trước, triển khai đồng bộ các giải pháp làm chuyển biến mạnh hơn về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Xây dựng Mô hình trường học Nông trại tiêu biểu trong Tỉnh; xây dựng Mô hình trường học Tự quản- an toàn..

Duy trì các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia.

#### **2.2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục:**

##### **2.2.1. Học sinh:**

- Quy mô: Duy trì 14 lớp với 490/490 học sinh.

- Hiệu quả 2 mặt giáo dục học sinh (Qui đổi theo TT 58)

+ Học lực: Giỏi từ 5% trở lên, Khá từ 55% trở lên.

+ Hạnh kiểm 98,9% học sinh đạt hạnh kiểm Tốt, Khá trở lên, không có HK yếu.

- Kết quả thi THPT quốc gia: 100% học sinh đỗ tốt nghiệp THPT Quốc gia, trường nằm trong tốp cao của Tỉnh.

- Tỷ lệ tuyển sinh lớp 9 thi tuyển vào lớp 10 THPT phần đầu đạt 100% HS; trong đó 40/70 em đỗ vào các trường PTDT nội trú; 14/70 HS đỗ vào Nội trú Tỉnh; 03 HS đỗ THPT Chuyên.

- Học sinh đạt HSG văn hóa/chuyên đề MTCT và các giải chuyên đề: Cấp Huyện 35 giải; cấp tỉnh 25 giải (trong đó Cuộc thi sáng tạo TTNND: 03 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh. Nghiên cứu khoa học: 05 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh);

##### **2.2.2. Tập thể nhà trường:**

- Danh hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Khen thưởng: Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Lào Cai.

### **2.2.3. Các tổ chuyên môn, các tổ công tác:**

- Số giờ dự có ứng dụng CNTT, ĐMPPDH: 1330 giờ trở lên.
- Vận dụng mô hình trường học mới cấp THPT: 180 tiết trở lên;
- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 18 buổi;
- Hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật: 8 sản phẩm/dự án;
- Xây dựng mô hình trường học gắn thực tiễn: Mô hình tiêu biểu trong Tỉnh.

### **2.2.4. Các tổ chức đoàn thể:**

- Chi bộ: Trong sạch vững mạnh xuất sắc nhiệm vụ.
- Đoàn trường: Đoàn trường vững mạnh xuất sắc.
- Hội Chữ thập đỏ: Vững mạnh xuất sắc.
- Công đoàn: Công đoàn vững mạnh xuất sắc.

### **2.2.5. Cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

- Danh hiệu CSTĐCS: 05 đồng chí LĐTT: 34 đồng chí
- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường 04 người.
- Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường: 27 đồng chí trở lên.
- Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh: Tham gia 7 đạt 06 đồng chí;
- Số sáng kiến kinh nghiệm và NCKHSPUD: 100% CBQL, GV tham gia
- Xếp loại chuyên môn: Giỏi: SL: 8 = 5% %, Khá: SL 25 = 55%,
- Kết quả xếp loại đánh giá CBQL, giáo viên theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. CBQL: Xuất sắc 1/3 (đạt 33,4%); Khá 2/3 (đạt 66,6%); Giáo viên: 100% GV được đánh giá đạt chuẩn trở lên (XS:  $8/33 = 24,3\%$ ;  $25/33 = 75,7\%$ )
- Xếp loại CCVC, đạt HTXSNV: 30%, HTTNV: trên 55% , HTNV: dưới 15%
- Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Tổ chức ăn 3 bữa/ngày đủ định lượng, chất lượng; đảm bảo vệ sinh ATTP. Đủ nước uống hợp vệ sinh. Thực hiện tốt công tác y tế chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, phấn đấu có 100% HS đủ sức khỏe học tập. Đảm bảo nền nếp ăn ở sạch sẽ phấn đấu mỗi lớp có 01 phòng ở văn hoá.

### **2.3. Nhu cầu kinh phí thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí: 16.615 triệu đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 8108 triệu đồng (trong đó chi lương vào các khoản có tính chất lương 6876 triệu đồng, tỉ lệ 84,8 %, tăng so với năm 2018).

+ Chi thực hiện các chế độ chính sách học sinh: 8507 triệu đồng (Học bổng: 6149 triệu đồng; chế độ khác 1950 triệu đồng; đặc thù: 408 triệu đồng).

## **3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

**3.1. Về quy mô trường lớp:** Ổn định 14 lớp với 490 HS.

**3.2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực công tác chỉ đạo, quản trị**

- Tiếp tục **tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng** cho CBGVNV đặc biệt nhấn mạnh nội dung “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Tích cực bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ chuẩn bị thực hiện chương trình GDPT mới, **xây dựng đội ngũ có phẩm chất, năng lực, trình độ cao đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện nay.**

- **Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý** nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Quản lý theo chuẩn (dạy học đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng, đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tự đánh giá, bổ sung hoàn thiện trường học theo chuẩn chất lượng trường THPT, tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia theo quy định mới, đánh giá xếp loại CCVC...).

- Thực hiện **quản lý nhà trường bằng quản lý công việc**, quản lý kế hoạch, quản lý chất lượng, hiệu quả công việc. Củng cố, phát huy vai trò của các tổ chức trong trường theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đặc biệt đối với tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Tăng cường tính tích cực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính sáng tạo của từng chức danh đối với các nhiệm vụ được giao (Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, GVCN, giáo viên bộ môn, nhân viên trường học, người đứng đầu các bộ phận). Thực hiện công khai kế hoạch tuần, tháng, lịch công tác của cán bộ quản lý để CBGV, NV theo dõi, giám sát và thuận lợi trong công tác.

- **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin** trong quản lý (Tăng cường sử dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động dạy học của giáo viên, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khoá biểu, quản lý thư viện trường học,...): Sử dụng phần mềm VnEdu trong quản lý nhà trường, số liên lạc điện tử.

- **Công tác tham mưu, dân vận:** Tuyên truyền, đẩy mạnh công tác XHH giáo dục, thường xuyên liên lạc với Hội cha mẹ HS để tăng cường sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục, ngăn chặn sự vi phạm pháp luật của HS nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện. Phối hợp tốt với UBND thị trấn và Công an Huyện, công an thị trấn để làm tốt công tác an toàn xã hội trong khu vực.

### **3.3. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**

- Tiếp tục **xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục** nhà trường theo hướng tự chủ, tinh giản tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với xã hội.

+ Thực hiện chuyên đề hiệu trưởng, hiệu phó làm nòng cốt chuyên môn.

+ Tăng cường công tác kiểm tra của lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn về việc thực hiện nhiệm vụ dạy học của giáo viên. Kiểm tra từ thực hiện nề nếp, quy chế, hồ sơ chuyên môn, thực hiện nội dung giảng dạy, ra đề kiểm tra, chấm bài kiểm tra theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đến tổ chức giờ dạy nhằm trao đổi, tư vấn, thúc đẩy chuyên môn nâng cao chất lượng.

+ Tiếp tục **đổi mới mạnh mẽ phương pháp tổ chức dạy học** nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh.

+ **Quản lý chuyên môn theo quy chế hiện hành:** Quản lý chặt chẽ, nghiêm túc khâu thiết kế bài giảng, soạn giáo án; công tác thi, kiểm tra ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm thi và nhận xét đánh giá; thực hiện các biện pháp phù hợp để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phối hợp Công đoàn, ĐTN xây dựng kế hoạch và triển khai phát động các đợt thi đua chào mừng các ngày lễ lớn của ngành, của đất nước trong CBGV, HS.

- Thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa các hoạt động quản lý, hoạt động giáo dục; xã hội hóa, tích cực hội nhập, tiếp cận tư tưởng và phương pháp quản lý hiện đại; hướng tới yêu cầu giáo dục chất lượng cao.

### **3.3. Về tài chính, CSVC và trang thiết bị cho dạy học:**

- Bảo quản và sử dụng có hiệu quả các CSVC được trang bị, bố trí khoa học có hiệu quả các CSVC trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nâng cao trách nhiệm của các nhân viên thực hiện quản lý các CSVC nhà trường. Rà soát lại các CSVC có kế hoạch bổ sung.

- **Công tác tài chính:** Trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí hiện có, chỉ đạo, tổ chức thảo luận xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ, báo cáo Sở GD&ĐT và kho bạc Huyện. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo qui chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với CBQL, giáo viên, nhân viên, HS theo các văn bản pháp quy của Nhà nước đã ban hành. Thực hiện báo cáo tài chính, công khai theo quy định.

**4. Hệ thống biểu mẫu** (kèm theo)

**5. Những kiến nghị đề xuất:** Đề các hoạt động dạy, học và các hoạt động giáo dục của nhà trường hiệu quả, an toàn, đề nghị SGD&Đ Lào Cai xem xét:

- Đầu tư, trang cấp 01 phòng tin học cho HS;
- Sửa hoặc đầu tư 01 phòng tiếng Anh để HS thực hành môn TA;
- Sửa chữa, nâng cấp khu KTX cho HS;
- Đầu tư xây dựng nhà Bảo vệ đảm bảo an toàn trong quản lý HS..

Trên đây là kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2019 - 2020 của trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bắc Hà./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện ( Phê duyệt);
- Sở GD&ĐT- KHTC ( Phê duyệt);
- Lưu VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lưu Thị Minh Đức**